TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** Bản án số: 57/2018/ HNGĐ-ST Ngày 28/11/2018 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Thành.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2018/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Tiến D - Sinh năm 1971; Địa chỉ: 160 Nguyễn Công Trứ, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*có mặt)*.

2. *Bị đơn*: Bà Trương Thị Thúy O - Sinh năm 1979; Địa chỉ: 160 Nguyễn Công Trứ, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Đoàn Tiến D trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trương Thị Thúy O kết hôn vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 ngày 05 tháng 5 năm 2000).

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống tại 160 Nguyễn Công Trứ, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà O thường xuyên bài bạc, đề đóm, vay nợ bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; bà O nhiều lần bỏ nhà đi, có khi vài tháng, có khi cả năm không về nhà; mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, thỉnh thoảng bà O có liên hệ với các con qua zalo nhưng không về thăm con. Nay tôi xác định tôi không còn tình cảm gì với bà O nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà O.

* Về con chung: Tôi và bà Trương Thị Thúy O có 03 con chung là: Đoàn Thị Minh K, sinh ngày 08.4.2001; Đoàn Minh K1, sinh ngày 12.8.2005; Đoàn Minh K2, sinh ngày 25.02.2014. Tôi có nguyện vọng khi ly hôn tôi xin được nuôi hết cả 03 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

- Bà Trương Thị Thúy O đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà không đến Tòa nên không có lời khai của bà trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là ông Đoàn Tiến D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là bà Trương Thị Thúy O liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Tiến D đối với bà Trương Thị Thúy O.

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao 03 con chung Đoàn Thị Minh K, Đoàn Minh K1, Đoàn Minh K2 cho ông Đoàn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng; bà Trương Thị Thúy O không cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đoàn Tiến D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, tại phiên tòa bà Trương Thị Thúy O vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Ông Đoàn Tiến D đối với bà Trương Thị Thúy O là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Trương Thị Thúy O vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Tiến D và bà Trương Thị Thúy O kết hôn vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 ngày 05 tháng 5 năm 2000). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Tiến D Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong suốt quá trình tố tụng bà Trương Thị Thúy O vắng mặt không thu thập được lời khai của bà. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh tại địa phương thì được biết trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không hòa giải được. Bà O đã bỏ nhà đi nơi khác không thấy quay về. Như vậy, lời khai của ông Đoàn Tiến D cho rằng hai ông bà có mâu thuẫn là đúng thực tế. Việc hai ông bà sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay mà không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống như hiện nay thì hôn nhân sẽ không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Tiến D là phù hợp.

[3] Về con chung: ông Đoàn Tiến D và bà Trương Thị Thúy O có 03 con chung là: Đoàn Thị Minh K, sinh ngày 08.4.2001; Đoàn Minh K1, sinh ngày 12.8.2005; Đoàn Minh K2, sinh ngày 25.02.2014. Ly hôn, ông D có nguyện vọng được nuôi hết cả 03 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của ông Đoàn Tiến D thì thấy từ khi bà O bỏ đi đến nay một mình ông D nuôi hết cả 03 con, nguyện vọng của các cháu Đoàn Thị Minh K, Đoàn Minh K1 hiện nay đều muốn được ở với ba, riêng cháu Đoàn Minh K2 còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của mẹ nhưng bà O bỏ đi từ năm 2015 đến nay không về chứng tỏ bà cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt

và căn cứ vào nguyện vọng của các cháu Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Tiến D, giao các cháu Đoàn Thị Minh K, Đoàn Minh K1, Đoàn Minh K2 cho ông Đoàn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3.1] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do ông Đoàn Tiến D không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con nên bà O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đoàn Tiến D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, tại phiên tòa bà Trương Thị Thúy O vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"; ông Đoàn Tiến D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ ông Đoàn Tiến D đã nộp tại biên lai thu số 08972 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Tiến D đối với bà Trương Thị Thúy O.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Đoàn Tiến D được ly hôn với bà Trương Thị Thúy O (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: giao các cháu Đoàn Thị Minh K, sinh ngày 08.4.2001; Đoàn Minh K1, sinh ngày 12.8.2005; Đoàn Minh K2, sinh ngày 25.02.2014 cho ông Đoàn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Đoàn Tiến D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ ông Đoàn Tiến D đã nộp tại biên lai thu số 08972 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát quận S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân phường A, quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa